Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
20.02.2020 15:07:40
+07:00

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 165 /QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2020

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2017/NĐ-CP ngày 15/5/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch- Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN, (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- Phó Chủ tịch Nguyễn Đình Công;
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC,PTH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Nguyễn Đình Công

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 165 /QĐ-VHL ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2020	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2020	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,**																	
I	**Số thu phí, lệ phí**	**17.000,00**	**17.000,00**															
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**16.150,00**	**16.150,00**															
1	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**	**16.150,00**	**16.150,00**															
a	Kinh phí thường xuyên		16.150,00															
b	Kinh phí không thường xuyên		**0,00**															
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**850,00**	**850,00**															
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**																	
Vốn trong nước		**1.290.700,00**	**1.257.043,00**	**21.982,20**	**16.571,40**	**17.080,20**	**38.153,10**	**23.806,10**	**69.324,20**	**14.869,50**	**94.049,60**	**33.523,00**	**29.135,90**	**34.761,10**	**15.158,70**	**37.871,30**	**8.316,70**	**7.996,50**
1	**Nguồn vốn khoa học và công nghệ**	**1.156.530,00**	**1.136.565,00**	**21.886,20**	**16.571,40**	**15.160,20**	**36.843,10**	**23.806,10**	**68.824,20**	**14.869,50**	**94.049,60**	**28.923,00**	**25.835,90**	**32.861,10**	**12.252,70**	**37.871,30**	**8.316,70**	**7.996,50**
1.1	Kinh phí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (L 100 K 101)		354.650,00	950,00	2550,000	1.700,00	8.000,00	2.350,00	23.295,00	5.350,00	28.800,00	3.850,000	2.100,00	3.100,00	700,00	3.650,00	1.500,00	1900,000
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		134.310,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	4.800,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm		220.340,00	950,00	2550,000	1.700,00	8.000,00	2.350,00	23.295,00	5.350,00	24.000,00	3.850,000	2.100,00	3.100,00	700,00	3.650,00	1.500,00	1900,000
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)		337.790,50	16.576,20	13541,400	10.620,20	22.998,10	17.716,10	16.239,20	6.299,50	18.169,60	15.873,000	10.840,90	12.311,10	8.702,70	10.021,30	6.648,70	5905,800
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)		444.124,50	4.360,00	480,00	2.840,00	5.845,00	3.740,00	29.290,00	3.220,00	47.080,00	9.200,00	12.895,00	17.450,00	2.850,00	24.200,00	168,00	190,70
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**79.680,00**	**79.680,00**	**96,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		40.313,00															

TT	Nội dung	Dự toán giao năm 2020	Tổng số phân bổ đợt 1 năm 2020	Trong đó														
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các HCTN	Viện Công nghệ sinh học	Viện ST&TN Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học & Tin học UD	Viện Công nghệ hóa học
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		39.367,00	96,00														
3	**Sự nghiệp kinh tế**	**23.230,00**	**10.450,00**	**0,00**	**0,00**	**120,00**	**110,00**	**0,00**	**500,00**	**0,00**	**0,00**	**1.100,00**	**1.700,00**	**1.100,00**	**2.906,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		10.450,00			120,00	110,00		500,00			1.100	1.700,00	1.100,00	2.906,00			
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**12.900,00**	**12.100,00**	**0,00**	**0,00**	**1.800,00**	**1.200,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.500,00**	**1.300,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		12.100,00			1.800,00	1.200,00					2.500,000	1.300,00					
5	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**	**18.360,00**	**18.248,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.000,00**	**300,00**	**800,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		18.248,00									1.000,000	300,00	800,00				
Vốn ngoài nước		**96.560,00**	**96.560,00**	**4.535,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**490,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1	**Vốn viện trợ sự nghiệp KHCN**	**7.550,00**	**7.550,00**	**4.535,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**490,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam		2.525,00															
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học		4.535,00	4.535,00														
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.		490,00									490,00						
2	**Vốn vay sự nghiệp GDĐT**	**89.010,00**	**89.010,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội		89.010,00															

VIỆN HÀN LÂM KH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046 CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 165 /QĐ-VHL ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó																
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản KHTN&CN
A	B	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,**																	
I	**Số thu phí, lệ phí**		**17.000,00**															
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**		**16.150,00**															
1	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**		**16.150,00**															
a	Kinh phí thường xuyên		16.150,00															
b	Kinh phí không thường xuyên																	
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**		**850,00**															
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**																	
Vốn trong nước		**18.141,80**	**19.016,10**	**12.816,30**	**6.553,90**	**4.576,40**	**12.174,80**	**10.899,40**	**26.229,00**	**30.680,40**	**2.789,90**	**12.828,20**	**66.163,32**	**1.874,10**	**21.271,08**	**11.644,00**	**11.522,80**	**12.146,50**
1	**Nguồn vốn khoa học và công nghệ**	**17.541,80**	**13.552,10**	**12.816,30**	**6.553,90**	**4.576,40**	**11.774,80**	**10.099,40**	**22.519,00**	**28.620,40**	**2.789,90**	**12.828,20**	**64.415,32**	**1.874,10**	**20.771,08**	**10.244,00**	**11.522,80**	**11.096,50**
1.1	Kinh phí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (L 100 K 101)	2.900,00	1700,000	2.100,00	300,000	0,00	1300,000	300,00	7.550,00	8.550,000	600,00	0,00	8.300,00	0,00	17.325,00	1.690,00	900,00	6.000,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	0,00	0,000	0,00	0,000	0,00	0,000	0,00	4.850,00	0,000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm	2.900,00	1700,000	2.100,00	300,000	0,00	1300,000	300,00	2.700,00	8.550,000	600,00	0,00	8.300,00	0,00	17.325,00	1.690,00	900,00	6.000,00
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	8.441,80	10456,100	5.532,30	5.845,900	3.828,40	4170,800	3.663,40	5.769,00	7.350,400	2.069,90	3.200,20	28.919,90	1.874,10	2.549,70	7.436,00	4.207,80	4.836,50
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	6.200,00	1.396,00	5.184,00	408,00	748,00	6.304,00	6.136,00	9.200,00	12.720,00	120,00	9.628,00	27.195,42	0,00	896,38	1.118,00	6.415,00	260,00
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.748,00**	**0,00**	**500,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																	

TT	Nội dung	Trong đó																
		Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện NC&UDCN Nha Trang	Viện KH vật liệu ứng dụng	Viện Vật lý TP.HCM	Viện Địa lý TN TP.HCM	Viện NCKH Tây Nguyên	Viện Tài nguyên & MT Biển	Viện Địa chất & ĐVL Biển	Viện Vật lý UD&TBKH	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	TT Nghiên cứu và chuyển giao CN	Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản KHTN&CN
A	B	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												1.748,00		500,00			
3	**Sự nghiệp kinh tế**	**0,00**	**464,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**640,00**	**1.160,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		464,000						640,00	1.160,000								
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**2.100,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.800,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.400,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2100,000						1.800,00							1.400,00		
5	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**	**600,00**	**2.900,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**400,00**	**800,00**	**1.270,00**	**900,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**1.050,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,00	2900,000				400,000	800,00	1.270,00	900,000								1.050,00
Vốn ngoài nước		**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1	**Vốn viện trợ sự nghiệp KHCN**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam																	
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học																	
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.																	
2	**Vốn vay sự nghiệp GDĐT**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội																	

VIỆN HÀN LÂM KHVIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046 CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 165 /QĐ-VHL ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó														Dự toán còn lại chưa phân bổ
		Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIAI ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý Dự án xây dựng trường đại học KHCNHN	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra	
A	B	33,000	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí,**															
I	**Số thu phí, lệ phí**															
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**															
1	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**															
a	Kinh phí thường xuyên															
b	Kinh phí không thường xuyên															
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**															
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**															
Vốn trong nước		**17.614,90**	**69.976,60**	**81.932,10**	**3.469,50**	**7.862,40**	**52.726,50**	**5.301,40**	**19.198,70**	**10.316,40**	**83.959,00**	**54.658,00**	**63.500,00**	**2.600,00**	**40.000,00**	**33.657,00**
1	**Nguồn vốn khoa học và công nghệ**	**9.986,90**	**69.976,60**	**81.932,10**	**3.469,50**	**7.862,40**	**52.076,50**	**5.301,40**	**19.198,70**	**9.716,40**	**38.645,00**	**25.236,00**	**63.500,00**		**40.000,00**	**19.965,00**
1.1	Kinh phí nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (L 100 K 101)	3300,000	62.110,00	23.030,00	700,00	0,00	30.850,00	100,00	5050,000	0,00	15.000,00	1700,000	63.500,00		0,00	0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	0,00	61.160,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000	0,00	0,00	0,000	63.500,00		0,00	0,00
	Nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm	3.300,00	950,00	23.030,00	700,00	0,00	30.850,00	100,00	5050,000	0,00	15.000,00	1700,000	0,00		0,00	
1.2	Kinh phí thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	4836,900	4.946,60	4.100,10	2.599,50	3.013,40	6.326,50	4.381,40	2688,700	1.700,40	45,00	536,000	0,00		0,00	
1.3	Kinh phí không thường xuyên (Loại 100, Khoản 101)	1.850,00	2.920,00	54.802,00	170,00	4.849,00	14.900,00	820,00	11.460,00	8.016,00	23.600,00	23.000,00	0,00		40.000,00	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**45.314,00**	**29.422,00**	**0,00**	**2.600,00**	**0,00**	**0,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										15.076,00	25.237,00				

TT	Nội dung	Trong đó														Dự toán còn lại chưa phân bổ
		Bảo tàng Thiên nhiên VN	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển CN cao	Viện NCKH Miền Trung	Trung tâm tin học & Tính toán	Viện Hoá sinh biển	TT Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Viện Sinh thái học Miền Nam	Học viện KHCN	Trường ĐH KH&CN HN	Văn phòng CT Tây Nguyên GIAI ĐOẠN 2016-2020	Ban Quản lý Dự án xây dựng trường đại học KHCNHN	Viện Hàn lâm KHCNVN-Đoàn ra	
A	B	33,000	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	6
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										30.238,00	4.185,00		2.600,00		
3	**Sự nghiệp kinh tế**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**650,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**			**12.780,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						650,00									
4	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**			**800,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
5	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**	**7.628,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**600,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**			**112,00**
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7628,000								600,00						
Vốn ngoài nước		**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.525,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**84.010,00**	**0,00**	**5.000,00**	**0,00**	**0,00**
1	**Vốn viện trợ sự nghiệp KHCN**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2.525,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	
	Tăng cường năng lực nghiên cứu cơ bản và thực tiễn về bệnh lao ở miền Bắc Việt Nam						2.525,00									
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học															
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.															
2	**Vốn vay sự nghiệp GDĐT**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**84.010,00**	**0,00**	**5.000,00**	**0,00**	
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường Đại học KHCN Hà Nội											84.010,00		5.000,00		